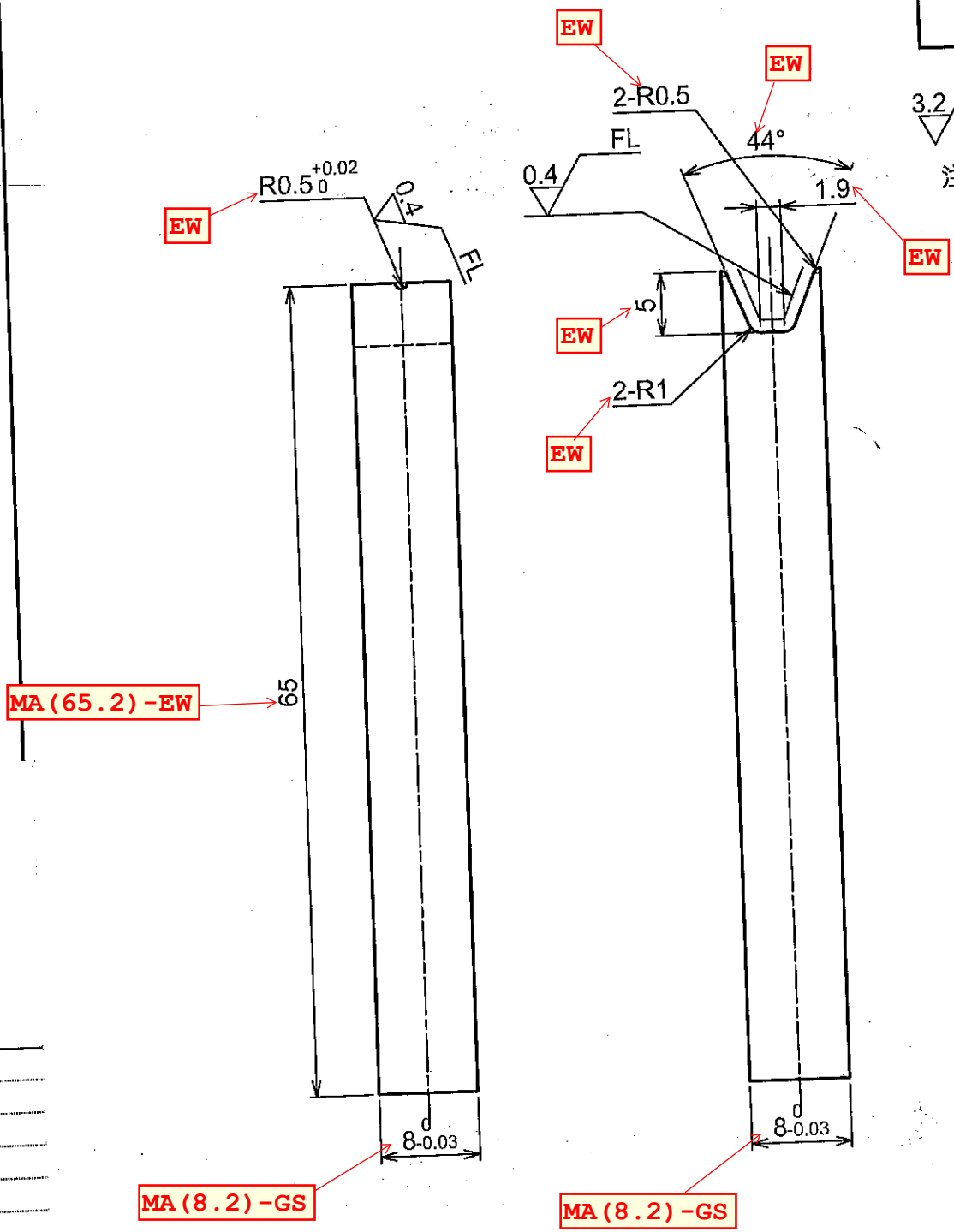


12/13

REV	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
init	2017/06/16	新设计	OPS-1512-320	Ma_Wang_Gui	Liu_Yong_An	0.5 ≤ , ≤ 6	± 0.1
△						6 < , ≤ 30	± 0.2
△						30 < , ≤ 120	± 0.3
△						120 < , ≤ 400	± 0.5
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0410-4	
						FINISH MARKS	



3.2/ (0.4/ FL)
注: 上顶成形模

- 10
- 36
- 80
- 68
- 60
- 10

DSGND.		CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
Ma_Wang_Gui		Liu_Yong_An	部品図		ダイ	
QUENCH&TEMPER		SURFACE	PART DRAWING		DIE	
HRC 58° ~ 62°			部品図		模	
MATERIAL		DATE	SCALE		DWG.No.	
SKD11		2017/06/16	2:1		R098763	

SNO: **R098763**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 T13*13*70	AA:20 MA:30 HT:40 GS:30 EW:60 KT